

TP.HCM, ngày 30 tháng 07 năm 2024

**BIÊN BẢN
NIÊM YẾT CÔNG KHAI**
Công khai tình hình tài chính năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024

Căn cứ Quyết định số 114/QĐ ngày 13 tháng 02 năm 1982 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thành lập Trường THPT Thủ Đức;

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Hôm nay, vào lúc 09h30 ngày 30 tháng 07 năm 2024 tại Trường THPT Thủ Đức

*** Thành phần tham dự**

- | | |
|-----------------------------|---------------------------------|
| 1/ Ông: Lê Ngọc Khái | - Hiệu trưởng |
| 2/ Ông: Đỗ Vũ Ngọc Trung | - Phó Hiệu trưởng |
| 3/ Ông: Võ Thanh Toàn | - Phó Hiệu trưởng |
| 4/ Ông: Trần Đồng Lộc | - Thư ký HĐ |
| 5/ Ông: Phạm Trần Trọng Trí | - Trưởng ban thanh tra nhân dân |
| 6/ Bà: Phạm Thị Thủy | - Chủ tịch công Đoàn |
| 7/ Bà: Bùi Thị Hằng | - Kế toán |

*** Nội dung biên bản**

Tiến hành công khai và niêm yết công khai tình hình tài chính năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024 của Trường THPT Thủ Đức như sau:

- Nội dung niêm yết công khai: công khai tình hình tài chính năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024 (đính kèm biểu mẫu).
- Hình thức công khai: Niêm yết công khai tại trụ sở Trường THPT Thủ Đức
- Địa điểm niêm yết: Tại bảng tin văn phòng Trường THPT Thủ Đức
- Thời gian niêm yết: Kể từ 10h00 ngày 30 tháng 07 năm 2024 đến 10h00 ngày 30 tháng 09 năm 2024.

- Biên bản được lập thành 02 bản: 01 bản lưu hồ sơ nhà trường, 01 bản lưu hồ sơ kế toán.

Trưởng ban Thanh tra nhân dân



Phạm Trần Trọng Trí

HIỆU TRƯỞNG




Lê Ngọc Khái

Số: 39/QĐ-THPTTĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố, công khai tài chính năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024 của Trường THPT Thủ Đức

Căn cứ Quyết định số 114/QĐ ngày 13 tháng 02 năm 1982 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thành lập Trường THPT Thủ Đức;

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Xét đề nghị của Kế toán Trường THPT Thủ Đức,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình tài chính năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024 của Trường THPT Thủ Đức (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng đơn vị, kế toán trưởng và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.



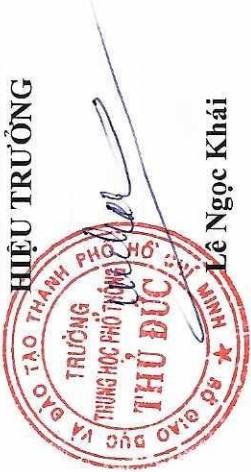
BÁO CÁO CÔNG KHAI KẾT QUẢ TÀI CHÍNH NĂM 2023, 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024
NGUỒN NGÂN SÁCH
(Đính kèm Quyết định số 39/QĐ-THPTĐ ngày 30/07/2024)

STT	NGUỒN CHI	THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024		THỰC HIỆN NĂM 2023	
		NGUỒN CHI THƯỜNG XUYỀN	NGUỒN CHI KHÔNG THƯỜNG XUYỀN	NGUỒN CHI THƯỜNG XUYỀN	NGUỒN CHI KHÔNG THƯỜNG XUYỀN
	DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG	825.629.647	1.358.699.962	373.062.000	445.101.413
	DỰ TOÁN GIAO TRONG NĂM	19.478.100.000	17.707.451.000	17.178.000.000	16.498.967.000
I.	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	20.303.729.647	19.066.150.962	17.551.062.000	16.944.068.413
II.	DỰ TOÁN CHI	8.273.676.239	4.534.383.707	16.725.432.353	15.120.304.630
1	Tiền lương	4.651.273.800		6.978.248.959	
2	Phụ cấp lương	2.266.287.246	813.986.548	3.133.457.975	1.359.267.742
3	Các khoản đóng góp	1.132.919.793	191.286.840	1.693.610.086	284.205.237
4	Các khoản thanh toán khác cho các nhân	196.200.000		194.400.000	9.123.401.451
5	Thanh toán dịch vụ công cộng	21.035.400		56.591.377	
6	Vật tư văn phòng			31.532.000	
7	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc			9.482.116	
8	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng			34.580.000	490.210.000

STT	NGUỒN CHI	THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024		THỰC HIỆN NĂM 2023	
		NGUỒN CHI THƯỜNG XUYỀN	NGUỒN CHI KHÔNG THƯỜNG XUYỀN	NGUỒN CHI THƯỜNG XUYỀN	NGUỒN CHI KHÔNG THƯỜNG XUYỀN
9	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	5.960.000		48.122.000	59.755.200
10	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định			4.545.407.840	
11	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học				27.675.000
12	Chi phí thuê mượn				31.700.000
13	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ				3.744.090.000
14	Chi khác		3.529.110.319		
DỰ TOÁN CÒN LẠI		12.030.053.408	14.531.767.255	825.629.647	1.823.763.783
KINH PHÍ HỦY					465.063.821
KINH PHÍ CHUYỂN SANG NĂM 2024				825.629.647	1.358.699.962

TP.HCM, ngày 30 tháng 7 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Lê Ngọc Khái

Người lập biểu

Bùi Thị Hằng

Bùi Thị Hằng

BÁO CÁO CÔNG KHAI KẾT QUẢ TÀI CHÍNH NĂM 2023, 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024
NGUỒN THU HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

(Đính kèm Quyết định số 39/QĐ-THPTTĐ ngày 30/07/2024)

STT	NỘI DUNG	THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024	THỰC HIỆN NĂM 2023
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	13.859.245.608	29.145.021.114
I	Thu Học phí và các khoản thu khác	13.541.977.000	28.379.322.372
1	Học phí công lập	1.393.200.000	6.074.880.000
2	Tiền tổ chức 2 buổi/ ngày	3.141.750.000	5.779.484.866
3	Tổ chức phục vụ và quản lý bán trú	2.164.314.000	4.034.442.000
4	Vệ sinh bán trú		434.608.000
5	Cơ sở vật chất phục vụ bán trú	1.400.000	372.935.000
6	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài (Tiếng Anh)	1.820.310.000	3.680.417.500
7	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại Ngữ (Tiếng Nhật, Tiếng Pháp, Tiếng Hàn)	413.700.000	932.010.006
8	Tiền tổ chức giáo dục Stem	1.702.550.000	3.322.225.000
9	Tiền tổ chức dạy Tin học MOS	1.223.480.000	1.982.356.000
10	Tổ chức ôn thi tốt nghiệp	1.427.653.000	1.477.384.000
11	Tổ chức thi MOS	253.620.000	288.580.000
II	Thu khác	317.268.608	765.698.742
1	Căn tin	240.000.000	439.000.000
2	Bãi xe	52.000.000	207.660.000
3	Lãi tiền gửi	25.268.608	119.038.742
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	12.187.779.300	29.145.021.114
I	Chi lương, thu nhập của quản lý, giáo viên, nhân viên	4.062.593.100	10.806.792.949
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	8.125.186.200	18.338.228.165
1	Chi cho dịch vụ đào tạo	6.770.988.500	11.152.221.186
4	Chi phí chung và chi khác	1.354.197.700	7.186.006.979
III	Chi hỗ trợ người học	-	-
1	Hỗ trợ chi phí học tập		
D	Số dư các quỹ	2.722.562.606	4.016.430.635
1	Phát triển hoạt động sự nghiệp	981.367.917	1.497.648.377
2	Quỹ khen thưởng	728.813.407	987.113.407

STT	NỘI DUNG	THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024	THỰC HIỆN NĂM 2023
3	Quỹ Phúc lợi	640.673.932	1.159.961.501
4	Quỹ Bổ sung thu nhập	371.707.350	371.707.350

TP.HCM, ngày 30 tháng 7 năm 2024

Người lập biểu

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Thị Hằng




Lê Ngọc Khái

CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC 2023-2024 VÀ 2 NĂM TIẾP THEO

(Đính kèm Quyết định số 39/QĐ-THPTTĐ ngày 30/07/2024)

STT	Nội dung thu	Năm học 2023-2024	Dự kiến Năm học 2024-2025	Dự kiến Năm học 2025-2026	Ghi chú
TIỀN HỌC PHÍ CÔNG LẬP THEO QUY ĐỊNH					
	Học phí công lập (9 tháng)	300.000	120.000	120.000	
I. CÁC KHOẢN THU PHỤC VỤ CHO HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGOÀI GIỜ CHÍNH KHÓA					
1	Tiền tổ chức 2 buổi/ ngày 8,5 tháng)	300.000	300.000	300.000	
2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài (K10,11: 8,5 tháng; K12: 4 tháng)	240.000	240.000	240.000	
3	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại Ngữ (Tiếng Nhật, Tiếng Pháp, Tiếng Hàn) (K10,11: 8,5 tháng)	150.000	150.000	150.000	
4	Tiền tổ chức giáo dục Stem (K10,11: 8,5 tháng, K12: 7 tháng)	200.000	200.000	200.000	
5	Tiền tổ chức dạy tăng cường Tin học MOS (K10,11: 8,5 tháng, K12: 6,5 tháng)	160.000	160.000	160.000	
II. CÁC KHOẢN THU PHỤC VỤ CHO HOẠT ĐỘNG BÁN TRÚ					
1	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú (8,5 tháng)	250.000	250.000	250.000	
2	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú (1 năm)	200.000	200.000	200.000	
3	Tiền sử dụng máy lạnh của phòng bán trú có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh) (8,5 tháng)	25.000	25.000	25.000	
III. CÁC KHOẢN THU HỖ TRỢ CHO CÁ NHÂN HỌC SINH					
1	Học phẩm (Giấy thi, giấy nháp, hồ sơ học sinh)	50.000	50.000	50.000	1 Năm
2	SLLĐT - Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	120.000	120.000	120.000	1 Năm
3	Tiền nước uống	20.000	20.000	20.000	8,5 tháng
4	K12 - Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	100.000	100.000	100.000	1 Năm
5	Bảo hiểm y tế K10,11	680.400	Theo văn bản hướng dẫn của BHXH	Theo văn bản hướng dẫn của BHXH	1 Năm
	Bảo hiểm y tế K12	510.300	Theo văn bản hướng dẫn của BHXH	Theo văn bản hướng dẫn của BHXH	1 Năm
6	Bảo hiểm tai nạn	100.000	100.000	100.000	1 Năm
7	Tiền sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh)	35.000	35.000	35.000	8,5 tháng

STT	Nội dung thu	Năm học 2023-2024	Dự kiến Năm học 2024-2025	Dự kiến Năm học 2025-2026	Ghi chú
8	Tiền suất ăn trưa bán trú	35.000	35.000	35.000	1 suất
9	Khám sức khỏe học sinh đầu năm	40.000	40.000	40.000	1 Năm

Người lập biểu


Bùi Thị Hằng

TP.HCM, ngày 30 tháng 7 năm 2024

LIÊU TRƯỜNG

THỦ ĐỨC

Lê Ngọc Khái